

Bản án số: **572/2024/DS-PT**

Ngày: 19-9-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
hùn vốn, hợp đồng vay tài
sản và đòi lại tài sản*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn

Ông Nguyễn Chí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Vũ Đình Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/7/2024, ngày 21/8/2024, ngày 13/9/2024 và ngày 19/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 281/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng hùn vốn, hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 427/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Văn Ú, sinh năm 1974 (Có mặt);

Địa chỉ: Số D, Tổ A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Phan Thành C, sinh năm 1965;

Hộ khẩu thường trú: Tổ D, ấp Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Tổ F, Khóm E, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên lạc: Số A, Quốc lộ C, Tổ A, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Thành C: Chị Phan Kim N, sinh năm 1994 (Có mặt); HKTT: Tổ 4, ấp Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 10/5/2024);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phan Thành C: Luật sư Mai T là thành viên của Công ty L1 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Phan Kim N, sinh năm 1994 (Có mặt);

Hộ khẩu thường trú: Tổ D, ấp Đ, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ cư trú hiện nay: Tổ F, Khóm E, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Địa chỉ liên lạc: Số A, Quốc lộ C, Tổ A, Khóm A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Phan Thị Thu H, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

3.3. Võ Thanh L, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số C, Tổ E, Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Ông Phan Thành C là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ú trình bày:** Ông Ú và ông Phan Thành C là bạn bè và có hùn làm ăn với nhau nhiều lần. Ông C có chiếc xe đầu kéo, nhãn hiệu PAEWOO, số loại TEFIFK 000828; loại xe Type, màu bạc, số máy 2TTS438243CA, số khung 2TIS438243CA, biển kiểm soát 63C-054.20. Nguồn gốc chiếc xe này là do ông C mua lại của bà Phan Thị Thu H vào ngày 22/11/2016, với số tiền 1.400.000.000 đồng. Thời điểm bà H bán xe cho ông C thì xe do bà H đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần (- Chi nhánh T1 để vay số tiền 1.900.000.000 đồng, nên giữa bà H và ông C có thỏa thuận là ông C có trách nhiệm hàng tháng tiếp tục trả tiền Ngân hàng thay bà H cho đến khi hết nợ. Khoảng tháng 8/2017, ông C yêu cầu ông Ú hùn vốn chung chiếc xe đầu kéo nêu trên. Ông Ú giao cho ông C số tiền 650.000.000 đồng để ông C lấy tiền trả cho Ngân hàng. Ông Ú và ông C sẽ cùng kinh doanh chiếc xe và tiến hành phân chia lợi nhuận theo từng chuyến chở hàng (tua), do bạn bè tin tưởng nhau nên hai bên không làm văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau. Tuy nhiên, trong quá trình hợp tác ông Ú phát hiện ông C không trả tiền cho Ngân hàng theo như thỏa thuận ban đầu với bà H dẫn đến việc Ngân hàng đã thu hồi chiếc xe và bán lại gây thiệt hại đến quyền lợi của ông Ú. Ông Ú đã nhiều lần gặp ông C yêu cầu ông C trả lại cho ông Ú số tiền 650.000.000 đồng nhưng ông C không chịu trả.

Ngoài ra, vào ngày 04/9/2018 con gái ông C là chị Phan Kim N còn chót sổ thể hiện ông Công nợ ông Ú lợi nhuận 16 chuyến xe (tua) với số tiền 162.200.000 đồng nhưng đến nay ông C vẫn không trả cho ông Ú.

Ngày 10/02/2017 (nhằm ngày 14/01/2017 âm lịch), ông C làm biên nhận cầm cho ông Ú chiếc xe biển kiểm soát 66C-044.00 để vay số tiền 230.000.000

đồng, lãi suất 2%/tháng. Sau đó, ông C đã đem xe bán cho người khác mà không trả lại tiền gốc và đóng tiền lãi cho ông Ú.

Nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ú yêu cầu buộc ông Phan Thành C phải trả cho ông Ú số tiền 650.000.000 đồng hùn vốn chiếc xe đầu kéo và 146.500.000 đồng đồng tiền lợi nhuận 16 chuyến xe (tua). Và trả tiền vay 230.000.000 đồng và tiền lãi 240.534.000 đồng (tạm tính tiền lãi từ ngày 10/02/2017 đến ngày 10/3/2022 là 63 tháng, lãi suất 1,66%/tháng), tổng cộng tiền vốn và lãi là 470.534.000 đồng. Yêu cầu tiếp tục tính lãi, mức lãi suất 1,66%/tháng, tính lãi từ ngày 11/3/2022 cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Ú thay đổi yêu cầu, yêu cầu Phan Thành C phải trả cho ông Ú số tiền 650.000.000 đồng hùn vốn, tiền lợi nhuận 146.500.000 đồng và tiền vay 230.000.000 đồng, ông Ú rút yêu cầu ông C trả tiền lãi 240.534.000 đồng.

- Bị đơn ông Phan Thành C trình bày: Vào khoảng đầu năm 2017, ông C có vay của ông Nguyễn Văn Ú số tiền 230.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng, ông C đóng lãi hàng tháng và có làm giấy vay với ông Ú. Ông C đóng lãi được 4 đến 5 tháng và gặp khó khăn không đóng lãi khoảng 03 tháng. Khi đó ông C có mua một chiếc xe của bà Phan Thị Thu H vào cuối năm 2016 hiệu Davu số xe 63C - 05420, số máy 2TTS438243CA, số khung 2TIS438243CA nên ông C chậm trả lãi cho ông Ú khoảng 2 đến 3 tháng. Vào cuối năm 2017, ông Ú có đề nghị với ông C hùn chung chiếc xe 63C-05420, ông C đồng ý với ông Ú lúc đầu mua của bà H giá 1.400.000.000 đồng, chấp nhận hùn với ông Ú 1.300.000.000 đồng, ông Ú đồng ý. Tiền ngân hàng ông C lãnh góp tiếp, còn ông Ú bỏ tiền mặt 650.000.000 đồng. Ông C còn nợ ông Ú biên nhận số tiền 230.000.000 đồng, ông Ú đưa thêm 420.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 650.000.000 đồng. Từ đó ông C với ông Ú hùn chung chiếc xe 63C - 05420, do quen biết nên ông C không lấy lại biên nhận vay tiền 230.000.000 đồng. Sau khi hùn chung thì không xảy ra mâu thuẫn và cùng chia lợi nhuận, ông C và ông Ú có quyết toán và chia lợi nhuận cho ông Ú sau mỗi chuyến hàng, tổng số tiền mỗi bên được hưởng là 146.500.000 đồng và đã giao cho ông Ú. Nay ông C không đồng ý theo các yêu cầu của ông Ú.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Kim N trình bày: Ông C và ông Ú có mối quan hệ làm ăn với nhau, chị N là kế toán cho ông Phan Thành C và có nhiệm vụ quản lý, điều phối hoạt động đoàn xe Thành Công gồm 06 chiếc xe đầu kéo (trong đó 01 chiếc biển kiểm soát 63C-054.20 do ông C và ông Ú h). Ông C là người đại diện đoàn xe Thành Công, quản lý gián tiếp điều phối hàng hóa (xoài tươi) cho đoàn xe vận chuyên từ Đồng Tháp đi Lạng Sơn. Ông Ú là tài xế trực tiếp điều khiển và quản lý xe đầu kéo biển kiểm soát 63C-054.20 nhận hàng từ Lạng Sơn về Thành phố Hồ Chí Minh, là người chịu trách nhiệm giao nhận hàng hóa, thu nhận tiền cước vận chuyên hàng hóa của xe. Chị N được giao nhiệm vụ theo dõi lịch hoạt động của đoàn xe, làm việc với tài xế về

chi phí, lợi nhuận của từng xe theo mỗi chuyến, sau đó thông báo cho tài xế và ông C nắm số liệu. Thời điểm ông Ú rút phần hùn chiếc xe 63C-054.20, chị N được giao nhiệm vụ tổng kết sổ sách, thống kê lợi nhuận chung và thống nhất số liệu báo cho ông Ú và ông C. Tiền lợi nhuận tại thời điểm hai bên quyết định ngưng hùn số tiền là 146.500.000 đồng đã thông báo cho ông Ú, ông C biết, công việc của chị N đã hoàn thành. Nay không có ý kiến hoặc yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thu H và ông Võ Thanh L ý kiến: Trước đây bà H thế chấp cho Ngân hàng TMCP (- Chi nhánh T1 chiếc xe đầu kéo, nhãn hiệu PAEWOO, số loại TEFIFK 000828; loại xe Type, màu bạc, số máy 2TTS438243CA, số khung 2TIS438243CA, biển kiểm soát 63C-054.20 do bà H đứng tên để vay tiền. Đến khoảng tháng 11/2016, bà H còn nợ Ngân hàng số tiền khoảng hơn 1.200.000.000 đồng. Tháng 11/2016, bà H bán chiếc xe này cho ông Phan Thành C giá 1.400.000.000 đồng, với điều kiện ông C phải trả tiền góp theo định kỳ cho Ngân hàng đối với số tiền bà H đang nợ, số tiền còn lại gần 200.000.000 đồng (không nhớ chính xác bao nhiêu) ông C phải trả tiền mặt cho bà H. Ông C đã giao đủ tiền cho bà H nhưng ông C không góp tiền đúng kỳ hạn cho Ngân hàng và ông C bán chiếc xe này lại cho ông Nguyễn Văn Ú giá bao nhiêu bà H không biết, ông Ú trả tiền cho Ngân hàng đủ, Ngân hàng trả lại bà H giấy đăng ký xe. Sau đó, bà H, ông L và ông Ú thực hiện hợp đồng mua bán xe, ông Ú đã đứng tên giấy đăng ký xe nêu trên, nay bà H và ông L không liên quan gì đối với chiếc xe này. Đối với việc ông C và ông Ú hùn làm ăn như thế nào bà H và ông L không rõ. Nay, bà H và ông L không có ý kiến, không yêu cầu và không tranh chấp gì đối với xe trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh (viết tắt bản án sơ thẩm) đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ú yêu cầu ông Phan Thành C trả tiền hùn xe đầu kéo và rơ moóc. Buộc ông Phan Thành C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Ú số tiền 650.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ú yêu cầu ông Phan Thành C trả tiền vay. Buộc ông Phan Thành C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Ú số tiền 230.000.000 đồng.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ú yêu cầu trả lãi số tiền 240.534.000 đồng.

4. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ú yêu cầu ông Phan Thành C trả tiền lợi nhuận. Buộc ông Phan Thành C có trách nhiệm trả cho Nguyễn Văn Ú số tiền 146.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày

có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Ú được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.241.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011295, ngày 27/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Phan Thành C phải chịu án phí số tiền 42.795.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/5/2024 ông Phan Thành C kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh vì ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phan Thành C là Luật sư Mai T trình bày: Vào tháng 12/2017, ông Ú có đề nghị với ông C hùn chung chiếc xe Biển số 63C-05420, ông C đồng ý với ông Ú lúc đầu mua của bà H giá 1.400.000.000 đồng, chấp nhận hùn với ông Ú 1.300.000.000 đồng, ông Ú đồng ý. Tiền vay Ngân hàng TMCP (- Chi nhánh T1 (viết tắt là Ngân hàng) của bà H thì ông C lãnh góp tiếp, còn ông Ú bỏ tiền mặt 650.000.000 đồng. Ông C còn nợ ông Ú theo biên nhận số tiền 230.000.000 đồng, ông Ú đưa thêm 420.000.000 đồng, tổng cộng số tiền 650.000.000 đồng, do thân thiết nên ông C không lấy lại biên nhận vay tiền 230.000.000 đồng và cũng không lập thành văn bản thỏa thuận giữa các bên. Sau khi hùn chung thì ông C và ông Ú có quyết toán và chia lợi nhuận cho ông Ú sau mỗi chuyến hàng thể hiện qua số tiền mà chị Phan Kim N (con ông C) đã ứng cho ông Ú, như vậy ông C không còn nợ tiền chia lợi nhuận cho ông Ú. Đến tháng 8/2019 thì giữa ông C và ông Ú thỏa thuận chấm dứt việc hùn, thể hiện chị Ngọc ứ tiền cho ông Ú đi theo xe ngày 28/8/2019, đây là chuyến hàng cuối cùng xem như kết thúc việc hùn vốn giữa hai bên. Hai bên thỏa thuận ông C giao xe cho ông Ú (ông Ú đã nhận và quản lý xe từ tháng 6/2019), còn ông Ú sẽ tự trả tiền cho Ngân hàng dư nợ thời điểm này là khoảng 560.000.000 đồng (ngày 06/9/2019 là 559.615.127 đồng). Đối với số tiền nộp cho Ngân hàng ngày 25/3/2019 là 15.000.000 đồng và ngày 26/4/2019 là 15.000.000 đồng, tổng cộng 30.000.000 đồng là do ông C đưa tiền cho ông Ú đi nộp tiền cho Ngân hàng, do ông Ú nộp tiền nên phiếu thu tiền của Ngân hàng ghi tên ông Ú nộp tiền nhưng thực chất là tiền do ông C đưa ông Ú đi nộp. Tổng số tiền ông Ú

nộp sau khi ông C và ông Ú ngừng hùn xe là 869.492.813 đồng (899.492.813 đồng - 30.000.000 đồng).

Ông C không đồng ý trả cho ông Ú số tiền xe 249.492.813 đồng như trình bày của ông Ú tại phiên tòa phúc thẩm là lấy số tiền ông Ú hùn 650.000.000 đồng cộng với số tiền ông Ú cho rằng nộp Ngân hàng 899.492.813 đồng, tổng cộng 1.599.492.813 đồng, trừ giá trị xe khi hùn 1.300.000.000 đồng, còn lại 249.492.813 đồng. Do việc trả nợ Ngân hàng các bên đã thỏa thuận là ông Ú nhận xe và tự chịu trách nhiệm trả khi kết thúc hùn vốn từ tháng 9/2019.

Do ông C không còn nợ ông Ú tiền vay 230.000.000 đồng, tiền chia lợi nhuận 146.500.000 đồng và tiền hùn xe 650.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của ông Ú như đã phân tích trên. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ú.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Kim N đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Thành C trình bày: Thống nhất với toàn bộ lời trình bày và đề nghị của Luật sư Mai T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phan Thành C như nêu trên, chị N không bổ sung gì thêm.

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ú trình bày: Không thống nhất theo yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thành C. Bởi vì thực tế ông Ú có đưa tiền mặt cho ông C 650.000.000 đồng để hùn mua xe Biển số 63C-05420 vào tháng 8/2017, trong quá trình hùn thì chị Phan Kim N là Kế toán đồng thời là con ông C đã ghi nhận số tiền chia lợi nhuận cho ông Ú là 162.200.000 đồng, trừ số tiền đã đưa vợ ông Ú là bà P 15.700.000 đồng, nên ông C còn nợ lại 146.500.000 đồng theo Tờ giấy ghi ngày 04/9/2018 do chị N ghi và gửi cho ông Ú. Việc phía ông C cho rằng chỉ đưa tiền mặt 420.000.000 đồng để hùn xe là không đúng, vì không thể hùn như vậy mà lại chia lợi nhuận mỗi người $\frac{1}{2}$ được, chỉ có mỗi người hùn 650.000.000 đồng cho $\frac{1}{2}$ giá trị của xe mà thôi. Còn số tiền 230.000.000 đồng là khoản vay riêng của ông C theo Giấy biên nhận ngày 14/01/2017 (ÂL), không có trừ vào tiền hùn xe như trình bày của ông C. Việc ông C cho rằng chấm dứt hùn xe vào tháng 8/2019 là không đúng mà hai bên chấm dứt hùn từ tháng 9/2018. Không có việc thỏa thuận việc ông C bán xe lại cho ông Ú hay bàn giao xe lại cho ông Ú để ông Ú chịu trách nhiệm trả hết khoản nợ còn lại của bà H cho Ngân hàng, mà do ông C không trả đúng nợ kỳ hạn cho Ngân hàng nên Ngân hàng mới đòi thu lại xe, do sợ bị Ngân hàng thu lại xe nên ông Ú thỏa thuận với Ngân hàng theo Biên bản làm việc ngày 20/02/2020 để tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng mới đồng ý giao xe cho ông Ú chứ không phải như trình bày của ông C là ông C giao xe cho ông Ú, số tiền đã trả cho Ngân hàng thể hiện: Ngày 25/3/2019 trả 15.000.000 đồng (theo Giấy nộp tiền ngày 25/3/2019 người nộp Nguyễn Văn Ú); ngày 26/4/2019 trả 15.000.000 đồng; ngày 20/9/2019 trả 50.000.000 đồng; ngày 21/10/2019 trả 20.000.000 đồng; ngày 20/11/2019 trả 20.000.000 đồng; ngày

25/12/2019 trả 20.000.000 đồng; ngày 21/01/2020 trả 20.000.000 đồng; ngày 24/02/2020 trả 30.000.000 đồng; ngày 31/3/2020 trả 30.000.000 đồng; ngày 27/4/2020 trả 30.000.000 đồng; ngày 01/6/2020 trả 220.000.000 đồng; ngày 02/6/2020 trả 289.368.208 đồng (225.453.708 đồng + 63.914.500 đồng); ngày 02/6/2020 trả 100.868.209 đồng (95.000.000 đồng + 5.868.209 đồng); ngày 02/6/2020 trả 37.898.704 đồng và 1.357.692 đồng, tổng cộng là 899.492.813 đồng (theo sao kê của Ngân hàng gửi Tòa án). Ngoài ra, trước khi Ngân hàng làm việc với ông Ú ngày 20/02/2020 thì ông Ú cũng nhiều lần nộp tiền cho Ngân hàng thay cho ông C để được quản lý xe nhưng không xác định rõ số tiền cụ thể, do ông C không trả nợ đúng kỳ hạn cho Ngân hàng, ông Ú không yêu cầu xem xét số tiền này.

Ông Ú thống nhất thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hùn xe 650.000.000 đồng buộc ông C trả như sau: Số tiền hùn xe 650.000.000 đồng cộng với số tiền ông Ú nộp Ngân hàng 899.492.813 đồng, tổng cộng 1.599.492.813 đồng, trừ giá trị xe khi hùn 1.300.000.000 đồng, còn lại 249.492.813 đồng buộc ông C có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Ú.

Vì vậy, ông Ú yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết buộc ông C trả số tiền nợ vay còn nợ 230.000.000 đồng, tiền ông Ú được chia lợi nhuận là 146.500.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên và ông C phải hoàn trả tiền hùn xe cho ông Ú là 249.492.813 đồng như nêu trên. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phan Thành C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thủ tục kháng cáo của bị đơn ông Phan Thành C thực hiện đúng quy định và hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm đã chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thành C; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh (Kèm theo Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm số: 403/PB-VKS-DS ngày 19/9/2024).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án “*Tranh chấp hợp đồng hùn vốn, hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản*” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án. Việc ông Phan Thành C nộp đơn kháng cáo vào ngày 03/5/2024 là trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Phan Thị Thu H và ông Võ Thanh L vắng mặt sau khi được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 22/11/2016, ông Phan Thành C thỏa thuận mua xe đầu kéo, biển số 63C-054.20 và rơ moóc biển số 63R-000.76 (viết tắt là xe đầu kéo và rơ moóc) với bà Phan Thị Thu H giá 1.400.000.000 đồng, với điều kiện ông C phải trả tiền góp theo định kỳ cho Ngân hàng TMCP (- Chi nhánh T1 đối với số tiền bà H còn nợ Ngân hàng khoảng hơn 1.200.000.000 đồng, số tiền còn lại khoảng gần 200.000.000 đồng ông C đã trả tiền mặt cho bà H. Đến khoảng tháng 8/2017, ông C thỏa thuận với ông Nguyễn Văn Ú hùn vốn chung chiếc xe đầu kéo nêu trên với giá là 1.300.000.000 đồng, phần hùn mỗi người là 650.000.000 đồng. Ông Ú giao cho ông C số tiền 650.000.000 đồng để ông C lấy tiền trả cho Ngân hàng. Ông Ú và ông C sẽ cùng kinh doanh chiếc xe và tiến hành phân chia lợi nhuận theo từng chuyến chở hàng (tua), các bên không làm văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói với nhau. Do ông C không trả đủ tiền vay cho Ngân hàng theo như thỏa thuận ban đầu với bà H dẫn đến việc Ngân hàng đã thu hồi chiếc xe. Ông Ú thỏa thuận trả hết tiền nợ vay cho Ngân hàng theo Biên bản làm việc ngày 20/02/2020 và mua lại xe. Sau đó, vợ chồng bà H, ông Võ Thanh L và ông Ú thực hiện hợp đồng mua bán xe, ông Ú đã đứng tên giấy đăng ký xe nêu trên. Vào ngày 04/9/2018 con gái ông C là chị Phan Kim N chốt sổ (quyết toán) thể hiện ông Công nợ ông Ú khoản tiền lợi nhuận của 16 chuyến xe là 162.200.000 đồng, trừ số tiền đã trả cho bà P (vợ ông C) 15.700.000 đồng, nên còn lại 146.500.000 đồng. Ngoài ra, ngày 10/02/2017 (nhằm ngày 14/01/2017 âm lịch), ông C làm biên nhận cầm cho ông Ú chiếc xe biển số 66C-044.00 để vay ông Ú số tiền 230.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ú khởi kiện yêu cầu bị đơn Phan Thành C phải trả cho ông Ú số tiền hùn vốn là 650.000.000 đồng, tiền lợi nhuận còn lại là 146.500.000 đồng và tiền vay 230.000.000 đồng, ông Ú không yêu cầu ông C trả tiền lãi. Bị đơn không thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn và cho rằng không còn nợ tiền gì của nguyên đơn. Điều này đã làm phát sinh tranh chấp giữa các đương sự.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ú buộc ông Phan Thành C phải trả cho ông Ú tiền vay 230.000.000 đồng, tiền lợi nhuận 146.500.000 đồng và đình chỉ xét xử yêu cầu

của ông Ú yêu cầu ông C trả lãi số tiền 240.534.000 đồng là có cơ sở. Bởi các lẽ như sau:

- Ngày 10/02/2017 (nhằm ngày 14/01/2017 âm lịch), ông Nguyễn Văn Ú cho ông Phan Thành C vay số tiền 230.000.000 đồng, không thời hạn. Ông C thừa nhận có vay của ông Ú số tiền 230.000.000 đồng, nhưng ông C cho rằng số tiền vay đã trả bằng cách ông Ú giao tiền mặt 420.000.000 đồng và cân trừ tiền vay 230.000.000 đồng thành số tiền 650.000.000 đồng để ông Ú hùn vào chiếc xe đầu kéo và rơ moóc. Xét thấy, ông C thừa nhận có vay của ông Ú số trên 230.000.000 đồng, ông C đã trả bằng việc cân vào tiền hùn, nhưng ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc này, mà hiện nay ông Ú đang giữ giấy biên nhận (bản chính), ông C thừa nhận chữ ký và chữ viết trong giấy nhận nợ do ông C viết và ký ra. Do đó, việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Ú yêu cầu ông C trả số tiền vay 230.000.000 đồng là có cơ sở. Về lãi suất do tại phiên tòa sơ thẩm ông Ú rút yêu cầu trả tiền lãi, do đó Tòa án sơ thẩm áp dụng Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu này là có căn cứ.

- Ông Ú và ông C hùn mua xe đầu kéo và rơ moóc để chở hàng từ tỉnh Đồng Tháp đến tỉnh Lạng Sơn và ngược lại, thời gian hùn xe từ tháng 8/2017 đến tháng 10/2018 được 16 chuyến hàng, lợi nhuận tổng cộng số tiền 162.200.000 đồng, trừ số tiền đã trả cho bà P (vợ ông C) 15.700.000 đồng, nên còn lại 146.500.000 đồng, việc này đã được ông C và ông Ú thừa nhận. Việc ông C cho rằng tiền lợi nhuận đã quyết toán và chia xong sau mỗi chuyến hàng và đã giao đủ tiền cho ông Ú nhưng ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc này. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Ú buộc ông C trả lại tiền lợi nhuận 146.500.000 đồng cho ông Ú là có cơ sở.

Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm chị Phan Kim N đại diện theo ủy quyền của ông C cung cấp Văn bản ý kiến ngày 16/8/2024, ngày 12/9/2024 và tài liệu liệt kê giao dịch tài khoản (sao kê tài khoản) Ngân hàng, thể hiện từ tài khoản của chị N chuyển tiền ứng từ Ngân hàng Cổ phần K – Chi nhánh Đ (viết tắt là Ngân hàng T2) cho ông Ú từ ngày 11/12/2018 đến ngày 22/8/20220 tổng cộng 22 lần với số tiền 195.850.000 đồng; Từ tài khoản của chị N chuyển tiền ứng từ Ngân hàng N1 – Chi nhánh Đ (viết tắt là Ngân hàng A) cho ông Ú từ ngày 11/10/2018 đến ngày 07/6/2019 tổng cộng 06 lần với số tiền 33.850.000 đồng; Từ tài khoản của chị N chuyển tiền ứng từ Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đ (viết tắt là Ngân hàng S1) cho ông Ú từ ngày 27/7/2018 đến ngày 07/11/2021 tổng cộng 02 lần với số tiền 23.500.000 đồng. Tuy nhiên, ông Ú không thừa nhận số tiền ứng bao gồm cả tiền lợi nhuận khi hùn xe, ông C không chứng minh đã trả xong tiền chia lợi nhuận cho ông Ú, mặt khác trong vụ án này ông C không có yêu cầu phản tố buộc ông Ú phải trả lại số tiền đã ứng, vì vậy nếu tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- Riêng đối với số tiền hùn xe 650.000.000 đồng với ông C. Năm 2017, ông Ú và ông C thỏa thuận hùn kinh doanh xe đầu kéo và rơ moóc. Hai bên thỏa thuận

bằng lời nói, không lập văn bản, việc ông Ú giao cho ông C số tiền hùn 650.000.000 đồng không có giấy tờ, việc này đã được ông C thừa nhận là ông Ú giao cho ông C số tiền 650.000.000 đồng nhưng bằng cách ông Ú giao cho ông C tiền mặt số tiền 420.000.000 đồng và trừ số tiền ông C đang nợ ông Ú 230.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 14/01/2017 âm lịch nhưng ông C không lấy lại giấy biên nhận. Tuy nhiên, ông C không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh trình bày của ông C là có cơ sở, vì hiện nay ông Ú đang giữ bản chính giấy biên nhận (số tiền 230.000.000 đồng), đồng thời hai bên đã thống nhất số tiền hùn 650.000.000 đồng và đã cùng kinh doanh thời gian trên 01 năm. Nên việc Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Ú buộc ông C trả lại số tiền hùn vốn 650.000.000 đồng cho ông Ú là có cơ sở. Tuy nhiên, do xe đầu kéo và rơ moóc đã chuyển quyền sở hữu từ bà H sang cho ông Ú đứng tên theo Giấy đăng ký xe đầu kéo Biển số 66C-120.90 và rơ moóc Biển số 66R-00216 ngày 04/6/2020 theo Hợp đồng mua bán xe ô tô giữa bà H và ông Ú ngày 02/6/2020, ông Ú xác định từ ngày Ngân hàng TMCP (- Chi nhánh T1 làm việc với ông theo Biên bản làm việc ngày 20/02/2020 để ông tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng đối với khoản vay của bà H thì ông đã trả cho Ngân hàng được tổng cộng số tiền 899.492.813 đồng. Như vậy, Ông Ú cho rằng số tiền ông Ú góp vốn là 650.000.000 đồng cộng với số tiền thực tế ông Ú trả nợ cho Ngân hàng là 899.492.813 đồng, tổng cộng là 1.549.492.813 đồng sẽ trừ vào giá trị xe 1.300.000.000 đồng như thỏa thuận giữ ông Ú và ông C khi hùn, thì số tiền ông C phải hoàn trả lại cho ông Ú là 249.492.813 đồng. Nên ông Ú thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông C trả lại số tiền 249.492.813 đồng, rút yêu cầu số tiền 400.507.187 đồng (650.000.000 đồng - 249.492.813 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của ông Ú và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, có lợi cho bị đơn và phù hợp tài liệu, chứng cứ được thu thập trong vụ án, nên chấp nhận thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp.

- Về hợp đồng mua bán xe ông Ú cho rằng do ông C không trả tiền cho Ngân hàng đúng hạn, nên ông Ú trả tiền cho Ngân hàng thay ông C, sau khi trả tiền xong thì Ngân hàng trả giấy đăng ký xe đầu kéo và rơ moóc cho bà Phan Thị Thu H, sau đó bà H và ông Võ Thanh L ký hợp đồng bán xe cho ông Ú, hiện nay ông Ú đứng tên xe đầu kéo và rơ moóc. Ông C cho rằng, ông C bán xe đầu kéo và rơ moóc cho ông Ú sau khi ông C trả tiền nợ vay của bà H cho Ngân hàng từ ngày 03/02/2017 đến ngày 26/4/2019 gốc là 636.274.292 đồng, lãi là 31.889.419 đồng (Theo văn bản ý kiến ngày 12/9/2024 của chị Phan Kim N), việc bán xe đầu kéo và rơ moóc cho ông Ú và giao xe cho ông Ú quản lý, chỉ thỏa thuận bằng lời nói mà không làm hợp đồng mua bán tài sản, không nhớ bán giá bao nhiêu tiền, ông Ú trả phần nợ còn lại khoảng 550.000.000 đồng cho Ngân hàng, nay ông Ú đang quản lý và đứng tên xe đầu kéo và rơ moóc. Ông Ú không thừa nhận mua xe đầu kéo và rơ moóc với ông C. Nay ông Ú, ông C và ý kiến của bà H, ông L không tranh chấp hợp đồng mua bán xe đầu kéo và rơ moóc trong vụ án này do đó Tòa

án sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này là phù hợp. Trường hợp có xảy ra tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản sẽ giải quyết thành vụ án khác là có căn cứ. Mặt khác, do tại Tòa án sơ thẩm ông C không có yêu cầu phản tố đối với số tiền mà ông Ú đã ứng, cũng như số tiền ông C đã nộp Ngân hàng khi thỏa thuận mua xe của bà H, do Tòa án sơ thẩm chưa giải quyết nên Tòa án phúc thẩm không đặt ra giải quyết. Khi có tranh chấp các đương sự sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa ông Phan Thành C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, trình bày của ông C là không có đủ căn cứ, đồng thời ông C cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở như đã phân tích trên, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ cơ sở trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Phan Thành C theo sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chỉ yêu cầu ông C hoàn trả lại trả lại số tiền hùn xe là 249.492.813 đồng, rút yêu cầu số tiền 400.507.187 đồng (650.000.000 đồng - 249.492.813 đồng), vì vậy sửa một phần bản án sơ thẩm về nội dung này và nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm của đương sự.

[6] Đối với đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Phan Thành C tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là không có đủ cơ sở, nên không được chấp nhận.

[7] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp pháp luật, nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn ông Phan Thành C được chấp nhận một phần và sửa án sơ thẩm, nên ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Phan Thành C;

2. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2024/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ú;

Áp dụng khoản 3, 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều

148, khoản 1 Điều 228, Điều 244 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 117, 166, 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ú yêu cầu ông Phan Thành C trả tiền hùn xe đầu kéo và rơ moóc. Buộc ông Phan Thành C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Ú số tiền 249.492.813 đồng.

2.2. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ú yêu cầu ông Phan Thành C tiền trả tiền vay. Buộc ông Phan Thành C có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn Ú số tiền 230.000.000 đồng.

2.3. Đình chỉ xét xử yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ú yêu cầu trả lãi số tiền 240.534.000 đồng.

2.4. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn Ú yêu cầu ông Phan Thành C trả tiền lợi nhuận. Buộc ông Phan Thành C có trách nhiệm trả cho Nguyễn Văn Ú số tiền 146.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Ú được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 25.241.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011295, ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Phan Thành C phải chịu 29.039.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phan Thành C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009716, ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- TAND thành phố Cao Lãnh;
- Chi cục THADS TP. Cao Lãnh;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Quang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Ngô Tấn Lợi